

Ngày soạn:
Ngày dạy: 15/1/18

Tiết 61: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức: Củng cố quy tắc nhân hai số nguyên, chú ý đặc biệt quy tắc dấu: (âm . âm = dương).

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng thực hiện phép nhân hai số nguyên, bình phương của một số nguyên, sử dụng máy tính bỏ túi để thực hiện phép nhân.

- Thấy rõ tính thực tế của phép nhân hai số nguyên (thông qua bài toán chuyển động).

3. Thái độ: Có tính cẩn thận, linh hoạt trong tính toán và giải bài tập.

II. CHUẨN BỊ TÀI LIỆU-TBDH:

1. Chuẩn bị của thầy: SGK,SGV,tài liệu tham khảo.

2. Chuẩn bị của trò: ĐDHT,SGK,phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

HS 1: Phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu? Áp dụng tính: $(-17).(-13)$.

HS 2: Làm bài tập 79.

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung kiến thức cần đạt																				
<u>Hoạt động 1:</u> Áp dụng quy tắc và tìm thừa số chưa biết. GV: Cho HS đọc đề bài GV: Bài toán yêu cầu gì? GV: Em hãy nêu quy tắc dấu khi nhân hai số nguyên? GV: Gọi ý điền cột 3 “dấu của ab trước” HS: Điền cột 3 trên bảng GV: Căn cứ vào cột 2 và 3, điền dấu cột 4 “dấu của ab²”. HS: Điền tiếp cột 2 và 3. GV: Nhận xét.	Dạng 1: Áp dụng quy tắc và tìm thừa số chưa biết. <u>Bài 84 trang 92 SGK</u> (1) (2) (3) (4) <table><tr><th>Dấu của a</th><th>Dấu của b</th><th>Dấu của a.b</th><th>Dấu của a.b²</th></tr><tr><td>+</td><td>+</td><td>+</td><td>+</td></tr><tr><td>+</td><td>-</td><td>-</td><td>+</td></tr><tr><td>-</td><td>+</td><td>-</td><td>-</td></tr><tr><td>-</td><td>-</td><td>+</td><td>-</td></tr></table>	Dấu của a	Dấu của b	Dấu của a.b	Dấu của a.b ²	+	+	+	+	+	-	-	+	-	+	-	-	-	-	+	-
Dấu của a	Dấu của b	Dấu của a.b	Dấu của a.b ²																		
+	+	+	+																		
+	-	-	+																		
-	+	-	-																		
-	-	+	-																		
GV: Yêu cầu HS hoạt động nhóm HS: Hoạt động nhóm theo yêu cầu. GV: Quan sát, hướng dẫn. HS: Đại diện mỗi nhóm lên bảng điền kết quả của các cột (1), (2), (3), (4), (5),(6) tìm được. GV: Tổng kết.	<u>Bài 86 trang 93 SGK</u> (1) (2) (3) (4) (5) (6) <table><tr><td>a</td><td>-15</td><td>13</td><td>-4</td><td>9</td><td>-1</td></tr><tr><td>b</td><td>6</td><td>-3</td><td>-7</td><td>-4</td><td>-8</td></tr><tr><td>ab</td><td>-90</td><td>-39</td><td>28</td><td>-36</td><td>8</td></tr></table>	a	-15	13	-4	9	-1	b	6	-3	-7	-4	-8	ab	-90	-39	28	-36	8		
a	-15	13	-4	9	-1																
b	6	-3	-7	-4	-8																
ab	-90	-39	28	-36	8																

GV: Yêu cầu HS đọc đề và tìm lời giải cho bài toán.

HS: Lên bảng trình bài giải.

GV: Mở rộng: Biểu diễn các số 25, 36, 49, 0 dưới dạng tích hai số nguyên bằng nhau.

HS: Trình bài bảng.

GV: Nhận xét gì về bình phương của mọi số?

HS: Bình phương của mọi số đều không âm

Hoạt động 2: So sánh các số

GV: Cho HS đọc đề bài

GV: Bài toán yêu cầu gì?

GV: Muốn so sánh hai biểu thức như thế nào với nhau ta phải làm gì?

HS: Ta đi tính kết quả của hai biểu thức rồi so sánh kết quả với nhau.

GV: Yêu cầu HS lên bảng trình bày bài giải.

GV: Nhận xét.

GV: Yêu cầu HS đọc đề

GV: x có thể nhận những giá trị nào?

HS: x có thể nhận những giá trị: Nguyên dương, nguyên âm, 0.

HS: Lên bảng thực hiện bài giải.

GV: Nhận xét.

Hoạt động 3: Sử dụng máy tính bỏ túi

GV: Cho HS đọc đề bài

GV: Bài toán yêu cầu gì?

GV: Yêu cầu HS tự nghiên cứu SGK. Nêu cách đặt số âm trên máy.

HS: Tự đọc SGK và làm phép tính trên máy tính bỏ túi.

GV: Yêu cầu HS dùng máy tính bỏ túi để tính.

HS: Thực hiện theo yêu cầu.

GV: Nhận xét.

Bài 87 trang 93 SGK.

$$3^2 = (-3)^2 = 9$$

* Mở rộng:

$$25 = 5^2 = (-5)^2$$

$$36 = 6^2 = (-6)^2$$

$$49 = 7^2 = (-7)^2$$

$$0 = 0^2$$

Nhận xét: Bình phương của mọi số đều không âm.

Dạng 2: So sánh các số

Bài 82 trang 92 SGK

$$a. (-7).(-5) > 0$$

$$b. (-17).5 < (-5).(-2)$$

$$c. (+19).(+6) < (-17).(-10)$$

Bài 88 trang 93 SGK

$$x \text{ nguyên dương: } (-5) \cdot x < 0$$

$$x \text{ nguyên âm: } (-5) \cdot x > 0$$

$$x = 0 \quad (-5) \cdot x = 0$$

Dạng 3: Sử dụng máy tính bỏ túi.

Bài 89 trang 93 SGK

$$a. (-1356) \cdot 7 = - 9492$$

$$b. 39 \cdot (-152) = - 5928$$

$$c. (-1909) \cdot (-75) = 143175.$$

4. Củng cố - Luyện tập:

– Hướng dẫn học sinh làm các bài tập còn lại

– GV nhấn mạnh lại quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu.

5. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học sinh về nhà học bài và làm bài tập 79; 80; 81 SGK
- Chuẩn bị bài mới “Tính chất của phép nhân”